

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 26-8-2025

V/v: “Tranh chấp không công nhận
vợ chồng và chia tài sản chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 18/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung” Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2025/HNGĐ-ST, ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắc Lắc, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2025/QĐ-PT, ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐ-PT, ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà H D Byă - sinh năm 1975

Địa chỉ: Buôn J, xã EK, tỉnh Đắc Lắc (trước đây là xã EK, huyện CK, tỉnh Đắc Lắc), có mặt.

* Bị đơn: Ông Y B Niê - sinh năm 1974

Địa chỉ: Buôn EK, xã EK, tỉnh Đắc Lắc (trước đây là xã EK, huyện CK, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên EH.

Địa chỉ: Thôn 22, xã EN, tỉnh Đắc Lắc (trước đây là xã EN, huyện CK, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

- Ông Y T - sinh năm 1996.

Buôn J, xã EK, tỉnh Đắc Lắc (trước đây là xã EK, huyện CK, tỉnh Đắc Lắc), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà H A Byă - sinh năm: 1997

Buôn J, xã EK, tỉnh Đắc Lắc (trước đây là xã EK, huyện CK, tỉnh Đắc Lắc), có mặt.

* Người phiên dịch tiếng Êđê: Bà H M Niê – Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà H D Byă trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H D Byă (nguyên đơn) và ông Y B Niê (bị đơn) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung là Y T Byă, sinh năm 1996 và H A Byă, sinh năm 1997. Đến tháng 12 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Y B thường xuyên bạo hành đánh đập, chửi mắng và xúc phạm bà H D Byă. Mặc dù, đã được gia đình hai bên giải quyết hoà giải nội bộ nhưng ông Y B vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi mà ngày càng đánh đập bà H D Byă nhiều hơn, lần gần đây nhất là vào 03/3/2023, bà H D Byă đã trình báo đến công an xã giải quyết. Ông Y B cam kết tại Công an sẽ không bạo hành bà H D Byă nữa nhưng ông Y B đã lấy tiền và tài sản trong nhà và dọn ra đất rẫy nhận khoán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên EH (Công ty) để ở trong lúc bà H D Byă đang ốm đau. Vì vậy, bà H D Byă đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H D Byă và ông Y B Niê.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H D Byă và ông Y B có 02 con chung là anh Y T Byă, sinh năm 1996 và chị H A Byă, sinh năm 1997. Do các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Quá trình chung sống thì bà H D Byă và ông Y B Niê tạo lập được tài sản chung như sau:

Năm 2007 vợ chồng bà H D Byă nhận chuyển nhượng từ ông Bùi Đình L diện tích 4.000m² (04 sào) đất nhận khoán của Công ty thuộc thửa đất số 8805, tờ bản đồ số 36 tại Buôn Ea Ktur, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk với giá chuyển nhượng 38.000.000 đồng. Sau đó ông Y B đại diện gia đình đứng tên ký hợp đồng với Công ty từ năm 2007 đến nay, trên đất có cây Cà Phê kinh doanh và Sầu riêng chưa kinh doanh. Khoảng năm 2012 do vườn cây già cỗi thì gia đình xin Công ty cho nhổ bỏ để trồng mới, cụ thể trồng Cà Phê và Hồ Tiêu, Sầu Riêng và một số cây trồng khác. Quá trình quản lý sử dụng bà H D Byă, ông Y B Niê và các con cùng nhau chăm sóc, thu hoạch vườn cây. Đến năm 2023 thì ông Y B Niê tự chăm sóc, đầu tư, thu hoạch và nộp sản phẩm cho Công ty, nhưng lại không cho bà H D Byă và các con được canh tác, thu hoạch trên diện tích này từ đó cho đến nay. Vì vậy, bà H D Byă yêu cầu Toà án phân chia diện tích đất nhận khoán trên cho 04 người gồm: bà H D Byă, ông Y B và hai con là anh Y T, chị H A mỗi người là 1.000m² (01 sào) đất cùng với cây trồng trên đất và một cái giếng khoan theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, đối với 01 căn nhà tạm bằng sắt và 256,53m hàng rào B40 cọc V5 là do ông Y B tự làm thêm sau khi vợ chồng ly thân với nhau thì bà H D Byă không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, khi ông Y B dọn ra rẫy ở riêng thì có mang theo còn các tài sản chung gồm: 01 xe máy cày tay, 01 Mô tơ phát điện, 01 bộ máy bơm nước giếng khoan, 01 thang đôi, 01 máy hàn, 01 xe kéo máy phát điện, 02 cuộn ống tưới nước dài 100m (mỗi cuộn 50m), 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan, 01 tời quay tay và 01 xe máy Ware biển số 47 B1 – 12571 và 10 bao tiêu hạt khô (bà H D Byă không biết cụ thể trọng lượng mỗi bao là bao nhiêu kg) và số tiền bán Cà Phê nhân xô 02 lần là 45.200.000 đồng. Bà H D Byă yêu cầu phân chia các tài sản này cho bà H D Byă và ông Y B Niê theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của ông Y B trình bày thì ngoài diện tích 4000m² nhận khoán của Công ty mà bà H D Byă đang yêu cầu tòa án chia thì tài sản chung của ông Y B và bà H D Byă còn có 500m² đất thổ cư và nhà ở trên đất tại Buôn J, xã EK; 2.000m² (02 sào) đất nhận khoán của Công ty cà phê E S tại Buôn J, xã EK; 1400m² đất rẫy cà phê tại Buôn J, xã EK; 2.000m² đất trồng lúa tại buôn PH, xã EK, huyện CK thì bà H D Byă có ý kiến như sau:

- Đối với 500m² đất thổ cư và nhà ở trên đất tại Buôn J, xã EK thì vào năm 2008 bố mẹ bà H D là ông Y D Niê và bà H C Huê Byă (đã chết) cho vợ chồng mượn đất để làm nhà ở (chỉ nói miệng không làm giấy tờ gì) và cũng không sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai vợ chồng, cũng trong năm 2008 Nhà nước có hỗ trợ cho vợ chồng 5.000.000 đồng để sửa chữa nhà ở cho người đồng bào theo chương trình 134 thì vợ chồng có bán thêm cà phê thu hoạch được của năm trước trên diện tích 2.000m² (2 sào) đất nhận khoán của Công ty cà phê E S (đất của anh trai bà H D Byă là ông Y N Byă cho hai vợ chồng mượn để canh tác) được 8.000.000 đồng nộp thêm cho Nhà nước được tổng cộng là 13.000.000 đồng và Nhà nước có xây và giao cho vợ chồng một căn nhà diện tích rộng 05m x dài 10m = 50m² đã hoàn chỉnh phần móng, tường, nền mái nhưng chưa có cửa vì lý do vợ chồng hết tiền để nộp thêm cho Nhà nước, khi được bàn giao thì vợ chồng và con cái dọn vào ở đến năm 2019 thì do nhà hư hỏng nặng nên vợ chồng đập bỏ và mua vật liệu xây lại một căn nhà cấp IV có diện tích khoảng 100m² để vợ chồng con cái ăn ở sinh hoạt, tiền vật liệu là do Y T góp 20.000.000 đồng được lãnh sau khi giải ngũ ở quân đội và tiền của Y T đi làm thuê, tiền của H A đi làm giáo viên góp và tiền bản nông sản thu hoạch được của các năm trước trên hai diện tích đất nhận khoán của ông Y N Byă và đất nhận khoán của Công ty E H, còn công xây dựng là do ông Bel, Y T, H A và anh em nội ngoại giúp công để làm không thuê thợ, nhưng khi mới làm xong móng, tường, lợp mái và đang tô tường dở chưa xong thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ông Y B bỏ đi nên nhà chưa có cửa và chưa lán nền (hiện nay Y T đã làm thêm cửa, nền và đã tô xong tường) hiện nay nhà do bà H D Byă đang ở và quản lý. Vì vậy, ông Bel cho rằng là tài sản chung là không đúng nên bà H D Byă không đồng ý chia phần cho ông Y B.

- Đối với 2.000m² (2 sào) đất nhận khoán của công ty cà phê E S trước đây của ông Y N Byă nhận khoán của Công ty cà phê ES tổng cộng là 5.000m² (05 sào),

năm 1995 do ông Y N Byă đi nghĩa vụ quân sự nên giao lại và nhờ anh trai là ông Y Drec Byă làm quản lý và 1.000m² (01 sào), nhờ em gái út là bà H Duen Byă làm quản lý 2.000m² (02 sào) và nhờ bà H D Byă làm quản lý 2.000m² (02 sào) mỗi người tự làm và tự trả sản cho Công ty khi nào hết nghĩa vụ quân sự thì trả lại. Quá trình canh tác do là vợ chồng nên ông Y B cũng làm và chăm sóc trên diện đất này và đi nộp sản cho Công ty rồi tự sang tên hợp đồng nhận khoán cho mình với Công ty lúc nào thì bà H D Byă không biết đến khi ông Y N Byă về có đòi lấy lại đất nhưng bà H D Byă nói cho mượn làm nuôi con vì không có đất đến khi nào có điều kiện thì sẽ trả nên ông Y N chưa lấy lại. Vì vậy, ông Y B cho rằng là tài sản chung của vợ chồng là không phải mà là đất mượn của ông Y N, hiện nay diện tích đất này đang do bà H D Byă làm và canh tác.

- Đối với 1.000m² đất rẫy cà phê tại Buôn J, xã EK chưa có bìa đỏ (không phải là 1400 m² như ông Y B khai) là của bố mẹ bà H D Byă cho bà H D Byă mượn làm để nuôi con từ năm 1998, lúc cho mượn thì đã có cây cà phê và cây Hồ Tiêu, quá trình canh tác thì vợ chồng bà H D Byă có trồng thêm cây Hồ tiêu nên ông Y B cho rằng là tài sản chung là không đúng. Hiện nay diện tích đất này đang do bà H D Byă quản lý và canh tác.

- Đối với 2.000m² đất trồng lúa (02 vụ một năm) tại buôn PH, xã EK, huyện CK là do hai vợ chồng làm nông thu hoạch bán nông sản và nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Bằng vào năm 2004 nên là tài sản chung của hai vợ chồng. Hiện nay đang do bà H D Byă quản lý và canh tác.

4. Về nợ chung: Bà H D Byă không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn là ông Y B Niê trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Y B Niê và bà H D Byă quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian và được gia đình hai bên đồng ý nên quyết định về sống chung với nhau từ năm 1995, tại vì cuộc sống khi ấy nghèo khổ, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế nên cũng không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung thì vợ chồng ở chung với gia đình bên ngoại, đến năm 1997 thì dọn ra sống riêng tại buôn Jung B, xã EK, huyện CK. Quá trình chung sống thì vợ chồng sống rất hạnh phúc, cho đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân ông Y B từ năm 2009 bị bệnh Viêm gan B, sức khỏe ngày một suy giảm, ông Y B buồn phiền vì không có tiền chữa trị, bà H D Byă suốt ngày chửi bới ông Y B và lôi kéo các con không tôn trọng ông Y B, dọn cơm ăn cũng không gọi ông Y B, nhưng ông Y B cũng nhịn cho qua chuyện, nhiều lần như vậy ông Y B không nhịn được nữa nên vào sáng 3/3/2023 sau khi bị bà H D Byă chửi và đuổi ông Y B ra khỏi nhà thì ông Y B có dùng tay tát bà H D Byă, bà H D Byă cũng đánh lại ông Y B, hai bên xô xát nhau và bà H D Byă đã tố cáo ông Y B đến cơ quan có thẩm quyền, mặc dù bà H D Byă không bị thương tích gì nặng nhưng ông Y B vẫn bị xử phạt hành chính số tiền 6.000.000 đồng và bồi thường cho bà H D Byă số tiền 5.000.000 đồng. Đến tháng 4/2023 do bà H D Byă và các con suốt ngày xua đuổi ông Y B ra khỏi nhà nên ông Y B đã dọn đến đất nhận khoán của Công ty cà phê E H tại buôn E K, xã EK, huyện CK dựng lều tạm và ở đó cho đến nay. Nhận thấy bà H D

Byã rất tệ bạc nên ông Y B đồng ý yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Y B và bà H D Byã.

2. Về con chung: Ông Y B và bà H D Byã có 02 con chung tên là Y T, sinh năm 1996 và H A Byã, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Quá trình chung sống thì ông Y B Niê và bà H D Byã tạo lập được khối tài sản như sau:

Năm 1997 bố mẹ vợ là ông Y D Niê và bà H C Huê Byã (đã chết) cho vợ chồng diện tích đất 500m² đất thổ cư, 2.000m² (2 sào) đất nhận khoán của công ty cà phê E S và 1.000m² (01 sào) đất rẫy, trên đất có cà phê. Đất có vị trí tại buôn Jung B, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với 500m² đất thổ cư khi bố mẹ vợ cho thì chỉ cho miệng không có giấy tờ gì và hiện nay đất đã được cấp giấy CNQSDĐ. Năm 1997 vợ chồng dựng 01 cái lán nhỏ để ở, đến năm 2005 thì Nhà nước xây dựng cho một ngôi nhà cấp 4 (nhà 134) cho vợ chồng ở. Đến năm 2018 thì vợ chồng bàn bạc làm thêm 01 ngôi nhà cấp 4 để sau này con cái lập gia đình có chỗ ở. Vì vậy, năm đầu năm 2019 mua vật liệu xây dựng về và tự ông Y B xây một mình không thuê thợ, anh em trong nhà chỉ giúp cho một vài ngày còn lại tất cả ông Y B tự một mình làm, ông Y B làm cho đến cuối năm 2022 cũng gần hoàn thiện, còn thiếu cửa chưa có và tô trát trụ cột nhà nữa là xong nhưng do bà H D Byã suốt ngày gây sự chửi bới nên ông Y B không làm nữa và để đó cho đến nay thì bà H D Byã đang sử dụng. Không tính công sức bỏ ra, chỉ tính mỗi tiền mua vật liệu xây dựng cũng hết khoảng gần 400.000.000 đồng (mua vật liệu xây dựng tại các cửa hàng bán vật liệu ở TH, không nhớ chính xác tên cửa hàng, vì làm đến đâu là mua đến đó chứ không mua một lúc). Nguồn tiền để mua vật liệu xây dựng là từ việc làm rẫy và vay mượn thêm của chị là bà H N Niê số tiền 52.000.000 đồng cùng em gái là bà H M Niê số tiền 10.000.000 đồng (cùng địa chỉ Buôn J, xã EK).

- Đối với diện tích 1.400m² (1,4 sào) đất rẫy khi bố mẹ vợ cho thì chỉ cho miệng không có giấy tờ gì, đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Khi bố mẹ vợ cho đất từ năm 1997, trên đất đã có cà phê, năm 2010 ông Y B nhổ bỏ cây cà phê chết để trồng xen 70 cây tiêu leo trụ sống, 05 cây Sầu Riêng thường trồng năm 2005, cà phê còn lại 160 cây. Từ khi nhận đất quản lý sử dụng, ông Y B và bà H D Byã cùng nhau chăm sóc, thu hoạch vườn cây, đến năm 2023 ông Y B bị bà H D Byã đuổi ra khỏi nhà thì vườn cây này bà H D Byã tự chăm sóc và thu hoạch.

- Đối với 2.000m² (2 sào) đất nhận khoán của công ty cà phê E S, nguồn gốc là bố mẹ vợ cho năm 1997, trên đất có cà phê. Đến năm 1998 thì ông Y B đại diện gia đình ký hợp đồng nhận khoán với Công ty cà phê E S cho đến nay. Quá trình quản lý sử dụng ông Y B và bà H D Byã cùng nhau chăm sóc, thu hoạch vườn cây, năm 2010 do vườn cây già cỗi nên ông Y B đã xin Công ty cho nhổ bỏ vườn cà phê già cỗi để trồng 280 cây cà phê mới và trồng xen 150 cây cà phê. Đến năm 2023 ông Y B bị bà H D Byã đuổi ra khỏi nhà thì vườn cây này bà H D Byã tự chăm sóc và thu hoạch không cho ông quản lý nữa.

- Năm 2007 vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Bùi Đình L diện tích 4.000m² (4 sào) đất nhận khoán của Công ty cà phê E H, với giá chuyển nhượng 38.000.000 đồng. Nguồn gốc tiền chuyển nhượng từ việc ông Y B làm nông và đi làm thuê. Ông Y B là người đứng tên trên hợp đồng nhận khoán với Công ty từ

năm 2007 đến nay, trên đất có cây Cà Phê kinh doanh và Sầu Riêng chưa kinh doanh. Năm 2012 do vườn cây già cỗi thì ông Y B xin Công ty cho nhỏ bỏ để trồng mới. Từ trước đến nay do ông Y B quản lý, sử dụng, thu hoạch. Đến năm 2023 ông Y B bị bà H D Byă đuổi ra khỏi nhà thì ông Y B mới dọn đến diện tích đất này dựng lều tạm để ở và vườn cây thì do ông Y B tự chăm sóc và thu hoạch cho đến nay.

- Năm 2005 vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Bằng (không nhớ rõ họ tên và ông Bằng hiện nay đã chết), trú tại buôn PH, xã EK, huyện CK diện tích 2.000m² đất trồng lúa tại buôn PH, xã EK, huyện CK, với giá 5.000.000 đồng, nguồn gốc do ông Y B đi làm thuê, thu nhập từ nương rẫy có viết giấy tờ nhưng bà H D Byă đang giữ. Kể từ khi ông Y B bị đuổi đi thì diện tích đất này bà H D Byă đang quản lý sử dụng.

- Ngoài ra thời điểm tháng 4/2023 khi ông Y B bị bà H D Byă đuổi ra khỏi nhà thì trong nhà có 17 bao tiêu khô (trong đó có 7 bao đã sàng sạch, 10 bao chưa sàng), hiện nay bà H D Byă đã bán không chia cho ông Y B đồng nào. Một số dụng cụ sản xuất nông nghiệp như máy cày, mô tơ phát điện, máy bơm hỏa tiễn thì hiện nay ông Y B đang quản lý sử dụng nhưng là tài sản riêng của ông Y B. Xe máy thì gia đình có 03 chiếc, một chiếc đứng tên ông Y B, còn một chiếc đứng tên con trai Y T Byă đứng tên, 01 chiếc chưa sang tên, khi bị đuổi đi ông Y B mang theo 01 chiếc, còn 02 chiếc mẹ con bà H D Byă sử dụng. Đối với các tài sản này thì ông Y B có yêu cầu chia nhưng do không có tiền để nộp tạm ứng án phí và chi phí tố tụng nên tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với 500m² đất thổ cư và nhà ở trên đất tại Buôn J, xã EK; 2.000m² đất trồng lúa tại buôn PH, xã EK, huyện CK; 1400 m² đất rẫy cà phê tại Buôn J, xã EK; 2.000m² (2 sào) đất nhận khoán của công ty cà phê E S tại Buôn J, xã EK và 2.000m² đất trồng lúa tại buôn PH, xã EK, huyện CK ông Y B yêu cầu chia nhưng hiện tại do không có tiền để nộp tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng nên ông Y B yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích 4000m² nhận khoán của Công ty cà phê E H mà bà H D yêu cầu chia thì ông Y B không đồng ý chia cho bất kỳ ai vì đó là tài sản riêng của ông Y B, nguồn tiền để mua lại của ông L là do ông Y B đi làm thuê và làm nông kiếm được và một phần là vay mượn của chị gái là H N Niê và em gái H M Niê nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu tiền và là anh em nên không làm giấy tờ gì, còn toàn bộ cây cối, tài sản trên đất là do ông Y B tự đầu tư trồng và chăm sóc, bà H D và hai con là Y T và H A không có đầu tư đóng góp gì vì còn nhỏ đi học sống phụ thuộc bố mẹ.

Về nợ chung: Khi làm nhà có mượn của của bà H N Niê số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng, mượn 02 lần: lần thứ nhất 5.000.000 đồng (không lập giấy tờ), lần thứ 2 mượn 47.000.000 đồng. Mượn của bà H M Niê số tiền 10.000.000 đồng, mượn 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Cả hai đều trú tại buôn J B, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk đến nay chưa trả nhưng ông Y B không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Y B thừa nhận diện tích 4000m² nhận khoán của Công ty cà phê E H và cây trồng trên đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ sống chung với nhau, nhưng vì bà H D và các con đang quản lý hết toàn bộ tài sản chung khác của vợ chồng mà không chia cho ông nên ông Y B không đồng ý chia tài sản này cho bà H D, anh là Y T và chị H A.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y T Byă trình bày:**

Trong quá trình chung sống với bố mẹ anh Y T Byă đều có tham gia có tham gia làm việc phụ giúp gia đình và có đóng góp công sức trong việc chăm sóc cây trồng tại diện tích nhận khoán của công ty cà phê E H do ông Y B Niê đứng tên hợp đồng nhận khoán. Vậy nên anh Y T Byă mong muốn được xem xét phân chia các quyền lợi liên quan đến phần tài sản này. Về nguồn gốc tài sản của thửa đất nhận khoán là do ông Y B đã bán 3.000m² đất mà ông bà ngoại cho bà H D vào năm 1997, tại Buôn TJ, xã EK, thành phố BMT. Sau đó ký hợp đồng canh tác trên 3.000m² đất của hộ gia đình ông Y N Byă (anh trai bà H D) trong thời hạn 3 năm trên đất đã có sẵn cây cà phê có thể cho thu hoạch, hiện nay thửa đất thuộc quyền sở hữu của ông Y N Byă.

Năm 2007 gia đình anh Y T Byă góp tiền để cùng ông Y S Byă mua chung 8.000m² đất nhận khoán của công ty cà phê E H từ ông Bùi Đình L. Hai gia đình, mỗi nhà 4.000m² đã ký hợp đồng nhận khoán với công ty cà phê E H năm 2007, có sẵn cây cà phê, sầu riêng, điều. Đến năm 2011, công ty ký tiếp hợp đồng và quản lý chăm sóc cũng như trồng mới một số cây hư hỏng, chết hoặc không có giá trị. Năm 2013, gia đình anh Y T Byă có làm giấy xin phép trồng mới toàn bộ diện tích lô đất nhận khoán với công ty cà phê E H và trồng xen tiêu từ đó đến nay. Về công sức đóng góp các thành viên trong gia đình đều tham gia. Từ thời điểm học cấp 2 trở đi, anh Y T Byă đều tranh thủ thời gian sau khi tan học cùng bố mẹ lao động sản xuất. Sau khi nghỉ học, tiền đi làm thuê kiếm được cũng đưa cho bố mẹ mua vật tư chăm sóc cây trồng. Trong khoảng thời gian ông Y B chữa trị bệnh gan (trong khoảng thời gian mới mua được diện tích 4.000m² của Công ty cho đến năm 2014), bà H D là người đóng góp công sức nhiều nhất. Ngoài ra em gái là H A Byă cũng phụ giúp việc nương rẫy khi được nghỉ hè và gửi tiền về nhà để phụ giúp gia đình tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu.. từ sau khi tốt nghiệp. Anh Y T Byă không đồng ý với việc ông Y B dùng bạo lực chiếm riêng tài sản có sự đóng góp của cả gia đình trong đó có số tiền thu hoạch cà phê vụ 2022 với số tiền 44.000.000 đồng, và việc ngăn cấm các thành viên còn lại không được hưởng lợi tức từ vụ thu hoạch tiêu, sầu riêng năm 2023. Do vậy, anh Y T Byă đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu phân chia tài sản của bà H D trên cơ sở công bằng, khách quan. Do bận làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nên anh Y T Byă yêu cầu xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H A Byă trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân và con chung thì chị H A không có ý kiến gì. Tuy nhiên, khi còn chung sống với bố mẹ thì ngoài thời gian đi học ra còn lại thời gian rảnh rỗi chị H A có phụ giúp bố mẹ chăm sóc cây cối và trong thời gian đi làm giáo viên từ năm 2019 đến 2021 và đi làm ở nhân viên Siêu Thị từ cuối năm 2022 đến đầu năm 2023 thì chị có gửi tiền về cho bố mẹ (cụ thể bao nhiêu thì chị H A không nhớ vì không có giấy tờ) để mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật bón cho các diện tích đất rẫy và ruộng của gia đình trong đó có diện tích 4000m² nhận khoán của Công ty cà phê E H. Vì vậy, chị H A đề nghị tòa án chia cho chị 01 phần tài sản chung theo như yêu cầu của bà H D Byă.

*** Tại văn bản trình bày ý kiến đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê EH là ông Nguyễn Quốc T trình bày:**

Ông Y B Niê có ký Hợp đồng nhận khoán với Công ty với diện tích 0,4 ha tại đội 34 (có sổ hợp đồng nhận khoán kèm theo) thuộc thửa đất 8805, tờ bản đồ số 36.

Công ty không đồng ý việc bà H D yêu cầu chia diện tích nhận khoán theo như ý kiến của bà H D vì bà H D không liên quan đến hợp đồng nhận khoán với Công ty. Hiện nay, ông Y B đang còn nợ sản và tiền thuê đất của Công ty, nếu ông Y B trả hết nợ thì Công ty sẽ đồng ý làm lại hợp đồng và chia cho hai vợ chồng. Còn việc Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản của bà H D thì Công ty không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giữa Công ty với ông Y B chưa có tranh chấp về hợp đồng giao nhận khoán nên Công ty không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Công ty sẽ khởi kiện ông Y B thành một vụ án dân sự khác. Do bận công việc nên Công ty yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST, ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 14, 16, 33, 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H D Byă.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Y B Niê và bà H D Byă.

1.2. Về con chung: Các con chung của ông Y B Niê và bà H D Byă là anh Y T Byă và chị H A Byă đã đủ tuổi thành niên nên không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung:

1.3.1. Chia cho ông Y B Niê được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ vườn cây trên thửa đất số 8805, tờ bản đồ số 36 tại Buôn EK, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk nhận khoán của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E H theo Hợp đồng giao nhận khoán số 140/34 –HĐK, ngày 18/9/2011. đất có vị trí tứ cận và kích thước theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá và trích lục đo đạc của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc – tư vấn nông lâm nghiệp Đắk Lắk như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất 8805 cạnh dài 57,31m;
- Phía Tây giáp đường nhựa cạnh dài 57,26m;
- Phía Nam giáp đường đất cạnh dài 81,02m;
- Phía Bắc đường đất cạnh dài 90,94m;

Tài sản, công trình trên đất gồm có: 01 Nhà tạm bằng sắt, diện tích 19,2m²; 01 cái giếng khoan sâu 50m; 01 cái mộ đất diện tích 187,2m² ; 256,53m hàng rào lưới B40 có 130 cọc sắt V5.

Cây trồng trên đất gồm có: 189 cây Hồ Tiêu trồng năm 2012; 448 cây Cà Phê trồng năm 2012; 60 cây Cà Phê trồng năm 2023; 05 cây Sầu Riêng trồng năm 2010; 07 cây Sầu Riêng trồng năm 2023; 189 cây Muồng Đen để làm trụ cho cây Hồ Tiêu leo.

1.3.2. Chia cho ông Y B Niê được quyền sở hữu và quản lý các vật dụng sinh hoạt gồm: 01 xe máy cày tay, 01 Dinamo phát điện, 01 máy bơm nước hỏa Tiên,

01 thang đôi, 01 xe kéo máy phát điện, 02 cuộn ống tưới nước (một dài 30, một cuộn dài 45m), 01 tời quay tay và 01 xe máy Ware biển số 47 B1 – 12571

1.3.3. Ông Y B Niê có nghĩa vụ thanh toán cho bà H D Byă 130.257.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H D Byă về việc yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung gồm: 01 máy hàn sắt, 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan, 10 bao tiêu hạt khô và số tiền bán cà phê nhân xô 02 lần là 45.200.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2025, nguyên đơn bà H D Byă kháng cáo một phần bản án về chia tài sản chung. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, phân chia số tiền 45.000.000 đồng và 4 sào đất khoán trồng cây cà phê, ghi nhận quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa bà H D Byă giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chia đôi số tiền ông Y B đã bán cà phê, 10 bao tiêu khô và phân chia 4 sào đất khoán trồng cây cà phê làm hai phần để bà và các con được canh tác sử dụng đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H D Byă - giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST, ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H D Byă trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà H D Byă, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là vườn cây có diện tích 4.000m² đất nhận khoán của Công ty cà phê E H thuộc thửa đất số 8805, tờ bản đồ số 36 tại Buôn EK, xã EK, huyện CK cùng tài sản trên đất và các tài sản là 01 xe máy cày tay, 01 Mô-tô phát

điện, 01 bộ máy bơm nước giếng khoan, 01 thang đôi, 01 máy hàn, 01 xe kéo máy phát điện, 02 cuộn ống tưới nước dài 100m (mỗi cuộn 50m), 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan, 01 tời quay tay và 01 xe máy Ware biển số 47 B1 – 12571, 10 bao tiêu hạt khô và số tiền bán Cà Phê nhân xô 02 lần là 45.200.000 đồng. Ngoài ra, bà H D Byă cũng như ông Y B không yêu cầu phân chia tài sản nào khác.

[2.2] Đối với vườn cây có diện tích 4.000m² nhận khoán của Công ty cà phê E H, bà H D Byă cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, ông Y B cho rằng đây là tài sản riêng của ông. Bản án sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà H D Byă kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung làm 4 phần cho cả hai người con bằng hiện vật. HĐXX xét thấy, nguồn gốc hình thành nên tài sản chung là do nguyên đơn và bị đơn nhận chuyển nhượng từ ông L, anh Y T và chị H A không có đóng góp gì trong việc tạo lập tài sản chung, quá trình canh tác tuy anh Y T Byă và chị H A Byă có tham gia góp công sức để chăm sóc vườn cây vào thời gian rảnh rỗi nhưng đây là nghĩa vụ của con cái phụ giúp bố mẹ trong việc duy trì và phát triển kinh tế gia đình vì cả anh Y T Byă và chị H A Byă đều chưa lập gia đình, đang sống phụ thuộc vào bố mẹ nên kháng cáo của bà H D yêu cầu chia cho các con là không có căn cứ.

Đối với các tài sản khác bà H D xác định 500m² đất thổ cư là đất bố mẹ bà H D cho vợ chồng mượn đất để làm nhà ở, căn nhà trên đất là do cả gia đình bà cùng đóng góp công sức tiền bạc để làm; đối với 2.000m² đất nhận khoán của công ty cà phê E S trước đây của ông Y N Byă nhận khoán của Công ty cà phê E S nhờ bà H D Byă làm quản lý, cả hai vợ chồng đều canh tác, đây là tài sản của ông Y N không phải tài sản chung của vợ chồng; đối với 1.000m² đất rẫy cà phê tại Buôn J, xã EK cũng là tài sản của bố mẹ bà H D Byă cho mượn; đối với 2.000m² đất trồng lúa tại buôn PH, xã EK, huyện CK bà H D xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng. Ông Y B thì cho rằng toàn bộ tài sản đều là tài sản chung của vợ chồng. Mặc dù các đương sự không làm đơn yêu cầu Tòa án chia đối với các tài sản này nhưng hiện nay căn nhà cũng như các tài sản đều do bà H D quản lý và sử dụng.

Hiện nay, ông Y B không có chỗ ở nào khác ngoài căn nhà tạm được làm trên diện tích đất ông ký hợp đồng giao khoán với Công ty sau khi ly thân, việc duy trì cuộc sống của bị đơn đều phụ thuộc vào diện tích đất nhận khoán này. Ông Y B Niê là người ký kết hợp đồng nhận khoán với Công ty và đang còn nợ sản, tiền thuê của Công ty. Do đó, Bản án sơ thẩm đã giao cho ông Y B được quản lý, sử dụng toàn bộ 4.000m² nhận khoán của Công ty cà phê EH là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo đề nghị chia tài sản bằng hiện vật của bà H D. Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều có công sức ngang nhau trong việc tạo lập, duy trì tài sản chung, bản án sơ thẩm phân chia cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Bà H D kháng cáo yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền bán cà phê nhân xô 45.200.000 đồng và 10 bao tiêu hạt khô. HĐXX xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm bà H D cung cấp tài liệu chứng cứ mới là 01 phiếu nhập cà phê thể hiện ngày 30/01/2023 ông Y B tên thường gọi Ama K nhập cà phê với số lượng hơn 1000kg cà phê tương đương 44.049.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm (bút lục số 19) ông Y B đã xác định số tiền bán tiêu, cà phê các vụ năm 2022 và 2023 đã dùng vào viện mua phân bón, chăm sóc diện tích đất giao khoán nhưng không cung cấp được chứng cứ

chứng minh. Cấp phúc thẩm đã triệu tập ông Y B để làm rõ nội dung nhưng ông vắng mặt tại buổi làm việc cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nên cần chấp nhận yêu cầu chia số tiền 44.049.000 đồng của bà H D. Đối với số tiền bán cà phê còn lại cũng như 10 bao tiêu khô bà H D không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà H D, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc ông Y B phải thanh toán thêm cho bà H D $\frac{1}{2}$ số tiền ông Y B bán cà phê tương đương 22.024.500 đồng.

[2.4] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm về chia tài sản chung nên cần sửa về án phí chia tài sản chung như sau: Bà H D và ông Y B mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương đương với giá trị tài sản được nhận là 152.281.500 đồng x 5% = 7.614.000 đồng (làm tròn)

Về án phí phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H D Niê không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006916, ngày 12/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CK., nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H D Niê – Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST, ngày, 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Đắk Lắk, nay là Tòa án khu vực 5 về phân chia tài sản chung và án phí.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử:

Về tài sản chung:

[1]. Chia cho ông Y B Niê được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ vườn cây trên thửa đất số 8805, tờ bản đồ số 36 tại Buôn Ea Ktur, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk nhận khoán của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E H theo Hợp đồng giao nhận khoán số 140/34 –HĐK, ngày 18/9/2011. đất có vị trí tứ cận và kích thước theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá và trích lục đo đạc của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc – tư vấn nông lâm nghiệp Đắk Lắk như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất 8805 cạnh dài 57,31m;
- Phía Tây giáp đường nhựa cạnh dài 57,26m;

- Phía Nam giáp đường đất cạnh dài 81,02m;
- Phía Bắc đường đất cạnh dài 90,94m;

Tài sản, công trình trên đất gồm có: 01 Nhà tạm bằng sắt, diện tích 19,2m²; 01 cái giếng khoan sâu 50m; 01 cái mộ đất diện tích 187,2m²; 256,53m² hàng rào lưới B40 có 130 cọc sắt V5.

Cây trồng trên đất gồm có: 189 cây Hồ Tiêu trồng năm 2012; 448 cây Cà Phê trồng năm 2012; 60 cây Cà Phê trồng năm 2023; 05 cây Sầu Riêng trồng năm 2010; 07 cây Sầu Riêng trồng năm 2023; 189 cây Muồng Đen để làm trụ cho cây Hồ Tiêu leo.

[2]. Chia cho ông Y B Niê được quyền sở hữu và quản lý các vật dụng sinh hoạt gồm: 01 xe máy cày tay, 01 Dinamo phát điện, 01 máy bơm nước hỏa Tiên, 01 thang đôi, 01 xe kéo máy phát điện, 02 cuộn ống tưới nước (một dài 30, một cuộn dài 45m), 01 tời quay tay và 01 xe máy Ware biển số 47 B1 – 12571

[3]. Buộc ông Y B Niê có nghĩa vụ thanh toán cho bà H D Byă tổng cộng số tiền 152.2814.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H D Byă về việc yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung gồm: 01 máy hàn sắt, 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan, 10 bao tiêu hạt khô và số tiền bán cà phê nhân xô.

[5]. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

- Ông Y B Niê phải chịu 7.614.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung.
- Bà H D Byă phải chịu 7.914.000 đồng án phí yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền 7.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2023/0006691, ngày 11/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5. Bà H D Byă còn phải nộp thêm 664.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Bà H D Niê được nhận lại 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006916 ngày 12/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CK, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận